

ĐÌNH Ở THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ THẾ KỶ XIX ĐẾN NAY

LÊ THỊ HUYỀN*

Đình làng là nơi gắn với thiết chế, tổ chức làng xã xưa, là nơi tế thần thành hoàng, cũng là nơi hội họp để nghe dụ vua ban, giao dịch điền thổ, thuế má, dân binh trong một năm của làng. Đình làng được thiết lập, quản lý bởi những khế ước, luật định riêng. Từ sắc phong năm Tự Đức thứ 5 (1852) sắc tặng cho thần Thành hoàng Bổn cảnh hiện lưu giữ tại các đình ở Thủ Đức, bài viết tìm hiểu các hoạt động, vai trò, chức năng, cũng như những biến chuyển của đình ở Thủ Đức, TPHCM từ thế kỷ XIX cho đến nay.

Từ khóa: đình làng, Thủ Đức, thần Thành hoàng

Nhận bài ngày: 11/6/2020; *đưa vào biên tập:* 22/6/2020; *phản biện:* 15/7/2020; *duyet đăng:* 30/11/2020

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thế kỷ XVII, thời chúa Nguyễn, “lưu dân người Việt đã tới khẩn hoang, lập ấp vùng Sài Gòn từ lâu. Sài Gòn khi ấy đã trở thành một tụ điểm đông đúc nên chúa Nguyễn mới có ý định lập đồn thu thuế” (Huỳnh Ngọc Trảng, 1993: 13). Nam Bộ lúc này là vùng đất rộng lớn, tài nguyên trù phú, tuy nhiên cư dân thưa thớt. Vì vậy, khi di dân, người Việt phải sống quần cư, dựa vào nhau để hỗ trợ nhau trong công việc, đồng thời cùng nhau vượt qua thiên tai khắc nghiệt. Khi những người tụ cư đã trở nên đông đúc thành từng làng, lân, ấp, trại, và để làng xã có hoạt động quy củ, nề nếp, đồng thời cần có nơi hội họp của dân làng về việc đình, điền, nghe chiếu dụ vua ban,

thì việc có một nhà cộng đồng chung trở nên bức thiết. Nhà cộng đồng ra đời đáp ứng nhu cầu hướng về cội nguồn, tổ tiên, là nơi tổ chức hội họp, hội lễ, nhà cộng đồng này còn gọi là đình làng. Vì vậy, đình “được coi là nhà công cộng của làng, có chức năng là nơi hội họp, hội lễ của dân làng, theo đó, đình đảm nhận chức năng hành chánh xã hội của cái gọi là chế độ tự trị của làng xã” (Huỳnh Ngọc Trảng, 1993: 19). Đình ở Nam Bộ đa chức năng hơn so với đình Bắc Bộ và Trung Bộ, ảnh hưởng bởi yếu tố đời sống văn hóa nơi đây, đình được coi là “công sở hành chính của làng, nơi cư trú của khách lỡ đường, là nhà hát, là nhà thờ thành hoàng làng và là trú sở của các thần linh khác” (Huỳnh Ngọc Trảng, 1993: 19).

Như vậy, đình ra đời là một nhu cầu tất yếu của cộng đồng cư dân mới,

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

được thiết lập bởi các đình chế nhằm quản lý mọi tổ chức, hoạt động của làng xã. Bên cạnh đó, làng mới luôn đòi hỏi những công trình công ích để phục vụ đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân như chợ, cầu, đường, chùa chiền, đình, nhà thờ... Những người có công khai hoang lập ấp, có công tách làng, thành lập làng ấp mới thì được thờ tại đình theo đạo lý uống nước nhớ nguồn, ghi nhớ những người có công, hiện nay “ở một số đình ở bản thờ Tiền hiền viết gọn hai chữ ‘cầm địa’ trang trọng là vậy, như đình làng ở quận Thủ Đức...” (Huỳnh Ngọc Trảng, 1993: 17). Đình ra đời theo thiết chế chính thống, được công nhận bởi chính quyền, giống như “nhà nước” thu nhỏ để quản lý cư dân làng xã được quy củ.

2. ĐÔI NÉT VỀ ĐÌNH Ở THỦ ĐỨC

Thủ Đức là quận nằm ở phía đông bắc TPHCM. Theo *Gia Định thành thông chí* Thủ Đức thuộc trấn Biên Hòa, huyện Bình An, tổng An Thủy, có các thôn như Bình Chiểu, Bình Chiểu Tây, Linh Chiểu, Bình Quới Đông, Bình Quới Hạ... Đến năm 1831, sau cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng, trấn Biên Hòa đổi thành tỉnh Biên Hòa, huyện Bình An, tổng An Thủy. Năm 1997, huyện Thủ Đức được phân chia làm quận Thủ Đức, quận 9, quận 2.

Đình ra đời cùng với việc lập trại, lập ấp của chúa Nguyễn trên vùng đất Nam Bộ vào giữa thế kỷ XVII, và ra đời trong sự giao thoa văn hóa giữa các tộc người và vùng miền. Kiến trúc

và chức năng của đình ở Nam Bộ ảnh hưởng bởi lối kiến trúc của đình Bắc Bộ, hầu hết các đình ở Thủ Đức bấy giờ đều được vua ban tặng sắc phong. Cho đến nay, tài liệu được coi xác thực nhất về đình ở Thủ Đức là sắc phong được vua Tự Đức sắc tặng cho thần thành hoàng Bổn cảnh.

Mặc dù trước đây các đình ở Thủ Đức hầu hết được vua ban sắc, nhưng cho đến nay chỉ một số đình còn lưu giữ sắc phong. Trong đó có đình Bình Quới Đông, Bình Chánh và Bình Đức. Các sắc phong có hình thức và nội dung gần giống nhau, chỉ khác tên làng và đều là sắc phong do vua triều Nguyễn ban tặng. Về hình thức, sắc phong có kích thước 121x50cm, viết trên giấy dó mịn, màu vàng đậm, xung quanh sắc phong có diềm màu đỏ, ở phía trên và bốn góc của sắc phong trang trí chữ “thọ”, trên nền giấy dó khắc họa hình ảnh rồng cuộn mây, đầu rồng châu vào chữ “thọ” giữa sắc phong. Sắc phong có 7 dòng chữ Hán, 6 dòng nội dung và 1 dòng niên đại, chữ viết chân phương, ở dòng niên đại được đóng dấu triện ngọc bảo.

Hiện nay, các sắc phong này được lưu giữ cẩn thận, có thể xem đây là tư liệu quý, là sự ghi nhận và xếp hạng của nhà nước cho các vị thần được thờ trong các đình ở Thủ Đức. Sắc phong có ý nghĩa đề cao giá trị truyền thống của đình cũng như tín ngưỡng làng xã trong việc thờ người có công. Vì ngôi đình gắn liền với đời sống của người dân, là nơi hội họp về hành chính, nơi sinh hoạt nghi lễ văn hóa.

Ngoài ra, đình còn có ý nghĩa định danh làng xã, khẳng định chủ quyền lãnh thổ ở vùng đất mới. Đình ngày nay, tuy thay đổi một số chức năng như hội họp, tổ chức chính quyền làng, xã thông tin về thuế khóa, dân đinh, nơi trú ngụ của khách thập phương, song chức năng thờ thần, nơi gắn kết cộng đồng, lưu giữ truyền thống văn hóa của địa phương vẫn được bảo tồn và phát huy.

Sắc phong đình Bình Quới Đông, nội dung ghi: 勅本境城隍之神, 原贈廣厚正直佑善之神, 護國庇民, 稔著靈應, 肆今丕承耿命緬念神休, 可加贈廣厚正直佑善敦莊之神. 準遍和省, 平安縣, 安水中總, 平桂東村, 依舊奉事. 神其相佑保我黎民. 欽哉. 嗣德伍年⁽⁴⁾ 拾壹月 貳拾四日. (Sắc cho thần Thành hoàng Bồn cảnh, thần nguyên được ban tặng (mỹ tự) là thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện. Thần giúp nước cứu dân rất linh ứng. Nay vâng theo mệnh lớn, xét đến công lao của thần, trẫm ban tặng thêm (mỹ hiệu) cho thần là Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn trang. Chuẩn cho thôn Bình Quới Đông, tổng An Thủy Trung, huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa phụng thờ như cũ. Thần hãy giúp đỡ và che chở cho dân của ta. Kính thay. Ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức năm thứ năm 5 (1852)).

Sắc phong đình Bình Chánh, nội dung ghi: 勅本境城隍之神, 原贈廣厚正直佑善之神, 護國庇民, 稔著靈應, 肆今丕承耿命緬念神休, 可加贈廣厚正直佑善敦莊之神. 準遍和省, 平安縣, 安水下總, 平政社, 依舊奉事. 神其相佑保我黎民. 欽哉. 嗣德伍年 拾壹月 貳拾四日. (Sắc cho thần

Thành hoàng Bồn cảnh, thần nguyên được ban tặng (mỹ tự) là thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện. Thần giúp nước cứu dân rất linh ứng. Nay vâng theo mệnh lớn, xét đến công lao của thần, trẫm ban tặng thêm (mỹ hiệu) cho thần là Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn trang. Chuẩn cho xã Bình Chánh, tổng An Thủy Hạ, huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa phụng thờ như cũ. Thần hãy giúp đỡ và che chở cho dân của ta. Kính thay. Ngày 24 tháng 11, Tự Đức năm thứ 5 (1852)).

Sắc phong đình Bình Đức, nội dung ghi: 勅本境城隍之神, 原贈廣厚正直佑善之神, 護國庇民, 稔著靈應, 肆今丕承耿命緬念神休, 可加贈廣厚正直佑善敦莊之神. 準遍和省, 平安縣, 安水下總, 平德社, 依舊奉事. 神其相佑保我黎民. 欽哉. 嗣德伍年 拾壹月 貳拾四日. (Sắc cho thần Thành hoàng Bồn cảnh, thần nguyên được ban tặng (mỹ tự) là thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện. Thần giúp nước cứu dân rất linh ứng. Nay vâng theo mệnh lớn, xét đến công lao của thần, trẫm ban tặng thêm (mỹ hiệu) cho thần là Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn trang. Chuẩn cho xã Bình Đức, tổng An Thủy Hạ, huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa phụng thờ như cũ. Thần hãy giúp đỡ và che chở cho dân của ta. Kính thay. Ngày 24 tháng 11, Tự Đức năm thứ 5 (1852)).

Sắc phong ở đình thường là sắc tặng cho thần Thành hoàng Bồn cảnh, các mỹ tự ban tặng đều giống nhau, thể hiện sự thống nhất “dân phong”. Đình ở Nam Bộ thường thờ rất nhiều vị thần, có nơi thờ hàng chục, hoặc ba

bốn chục vị thần, nhưng đối với các đình ở Thủ Đức, ngoài sắc phong vẫn chưa tìm thấy các tư liệu nói về sự phối thờ các thần ở đình làng.

Từ ý nghĩa của đình làng trong thiết chế văn hóa thì “đình làng là nơi cư xử tín ngưỡng có tính chất chính thống. Việc ông thần Thành hoàng của làng được vua ban sắc là việc quan trọng vì sắc thần tự nó được coi là sự công nhận chính thức của nhà nước về sự hợp pháp của làng” (Huỳnh Ngọc Trảng, 1993: 18).

3. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÌNH Ở THỦ ĐỨC

Quận Thủ Đức có 13 đình, trong đó 1 đình được xếp hạng Di tích Quốc gia, 2 đình xếp hạng Di tích cấp Thành phố, còn lại là do nhân địa phương tự xây dựng và quản lý. Các đình ở Thủ Đức hiện nay được chia làm ba cấp độ, thứ nhất đình còn giữ được kiến trúc cổ, thứ hai đình được trùng tu lại sau năm 1975, thứ ba đình được xây đầu thế kỷ XXI.

Đình Bình Chánh, Bình Quới Đông, Bình Đức được xây dựng lại sau năm 1975, không còn giữ lối kiến trúc của ngôi đình xưa, mà kiến trúc giống với chùa hoặc từ đường thời hiện đại, phía hiên trước được thiết kế bởi lưỡng long chầu nguyệt, bên trong được bài trí khảm thờ và các hoành phi, câu đối. Đình được xây dựng “trên những gò đất cao, ngã ba đường, nơi có phong cảnh đẹp. Đặc biệt là phải ở ngã ba đường, gần sông, để dân làng lui tới thuận lợi” (Huỳnh Ngọc Trảng, 1993: 23). Đình ở đây

không rộng lớn bằng đình ở Bắc Bộ, bởi lẽ từ “thời nhà Nguyễn đã ban hành quy chế khắt khe nên ban đầu ở Nam Bộ không có ngôi đình nào. Đại khái chỉ có một chánh điện võ ca, võ qui, và một vài gian nhà phụ bán kiên cố” (Huỳnh Ngọc Trảng, 1993: 24). Đến những năm đầu của thế kỷ XX, đa số các đình ở Nam Bộ nói chung và Thủ Đức nói riêng đều được trùng tu, sửa chữa, và vẫn giữ nét truyền thống, không bề thế. Điều này phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội ở Nam Bộ lúc bấy giờ là dân số thưa ít, nên khó có khả năng đóng góp để xây dựng một ngôi đình rộng lớn.

3.1. Hoạt động của đình trước đây

Đình ở Thủ Đức ra đời như một tất yếu của đời sống xã hội và có sự tương đồng với các đình khác ở Nam Bộ. Vì vậy, có thể xem xét các nghi lễ tế thần các đình ở Nam Bộ nói chung và Thủ Đức nói riêng, có sự tương đồng về nghi thức và ý nghĩa. Tuy khác nhau về ngày, tháng tổ chức lễ tế thần, song quy trình chuẩn bị về vật phẩm, cách thức tổ chức là tương đồng nhau. *Gia Định thành thông chí* ghi rằng: “Mỗi làng đều có một cái đình. Kỳ tế thì chọn ngày tốt trước, đến ngày, lúc mặt trời xế chiều, mỗi người lớn tuổi, ít tuổi đều họp, ngủ lại ở đình suốt đêm, gọi là túc yết” (Trịnh Hoài Đức, 1999: 146). Đình ở Nam Bộ đa chức năng, tuy nhiên chức năng tế thần hay còn gọi là Kỳ yên là chức năng chính và xuyên suốt từ lúc mới hình thành cho đến nay. Lễ Kỳ yên ở mỗi đình được tổ chức vào các ngày

khác nhau trong năm, có thể vào mùa xuân, mùa thu hoặc mùa đông, và ý nghĩa của việc tổ chức đó cũng khác nhau. Nếu tế lễ vào tháng giêng thì mang ý nghĩa là cầu phúc, tế lễ vào tháng 8 hoặc tháng 9 thì mang ý nghĩa báo ơn và tế lễ vào mùa đông thì mang ý nghĩa là một năm đã thành công.

Như vậy, đình ngoài chức năng hành chính thì còn là biểu tượng về văn hóa, về kiến trúc; cách tổ chức, hoạt động và ý nghĩa của việc tế lễ là bức tranh về đời sống của người dân. Ngoài ý nghĩa về việc tổ chức lễ tế thần vào các mùa, thì việc tế thần của làng còn nhằm mục đích là báo ơn thần, cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cầu một năm bình an không bệnh tật. Lễ Kỳ yên được chuẩn bị kỹ lưỡng và chu đáo, đến buổi chiều, trước ngày tế lễ, mọi người đến đình (cả trẻ con, người già) vui chơi suốt đêm. Sáng sớm hôm sau đội tế lễ “mặc áo mũ, đánh chiêng trống, làm lễ tế chính, ngày hôm sau nữa là tế dịch tức là tế tạ, xong lễ rồi ra về” (Trịnh Hoài Đức, 1999: 146).

Lễ vật để cúng trong lễ Kỳ yên của làng tùy theo điều kiện của từng làng, ngoài các đồ tế lễ ra, có thể mổ thêm trâu, bò và hát xướng. Đây là ngày lễ quan trọng của làng, mỗi năm tổ chức một lần từ hai đến ba ngày. Trong buổi tế lễ, các chức dịch, hương trưởng của làng đều ngồi ở vị trí đầu, sau đó đến các vị có học thức trong làng, cuối cùng là chỗ ngồi của thường dân. Sau khi buổi tế lễ kết thúc, hương trưởng

thông báo tình hình năm qua của làng, như báo cáo tình hình về ruộng đất, thuế khóa, binh điền, vụ lúa được mùa hay mất mùa, những sự việc liên quan khác xảy ra trong làng, và mọi người cùng họp bàn. Sau đó, làng được giảng giải quốc luật của triều đình, nghe dụ và sắc lệnh của vua ban xuống, phổ biến các quy định của làng thông qua các hương ước... (PVS, ông PVH, 70 tuổi, đình Bình Chánh, ngày 02/11/2020). Nội dung của các hương ước là những điều lệ, quy định của một làng và mọi người trong làng đều phải thực hiện. Hương ước là những quy định, quy ước của một làng, mỗi làng được ví như là một quốc gia thu nhỏ, có quy định và những hoạt động riêng liên quan đến cuộc sống của người dân.

3.2. Hoạt động của đình hiện nay

Trải qua hàng thế kỷ, sự thay đổi về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội đã kéo theo sự biến đổi về chức năng của đình. Hiện nay, đình không còn chức năng hành chính, là nơi tổ chức của chính quyền địa phương như phổ biến chính sách, thuế khóa, dân đinh, cũng không còn là nơi nghỉ chân của khách thập phương như trước đây. Nhưng chức năng thờ thần, tế thần vẫn được bảo tồn, gìn giữ. Có thể nói, đình ở Thủ Đức có tổ chức chặt chẽ và mang tính cộng đồng cao. Mỗi đình bầu ra Ban Quý tế từ 7 đến 12 người, là những người trong phường, lớn tuổi, có uy tín, có tri thức và tâm huyết với công việc. Trưởng ban là người chịu trách nhiệm và điều hành công

việc chung như xây dựng, trùng tu, tổ chức các ngày lễ chính của đình, hoạt động của đình là tự chủ về tài chính. Thường mỗi đình đều thuê một người trông coi, quét dọn, hương khói hằng ngày. Nguồn tài chính của đình từ đóng góp của bà con địa phương, từ công đức của khách thập phương và từ các mạnh thường quân, và chi cho những hoạt động liên quan đến đình. Hàng năm, mỗi đình đều tổ chức lễ Kỳ yên. Đây là lễ hội dân gian quan trọng nhất trong năm, được chuẩn bị chu đáo, long trọng.

Lễ Kỳ yên ở đình Bình Chánh, được tổ chức vào ngày 16 và 17 tháng 2 âm lịch, 3 năm tổ chức hát bội 1 lần, những năm có hát bội thì lễ hội diễn ra trong 3 ngày. Hàng năm Ban Quý tế đình chuẩn bị trước chương trình, lễ vật, khách mời, ước lượng bà con tham dự. Đến tối ngày 15, các bộ lão quần áo chỉnh tề, tập trung tại đình để làm lễ, đây còn gọi là túc yết. Tại buổi, người đọc các bài văn tế, mời các vị thần về dự lễ, đồng thời cầu cuộc sống bình an cho nhân dân bá tánh, một năm mưa thuận gió hòa. Giữa các bài văn tế, có đội học trò lễ dâng các lễ vật cho thần. Thời gian tế diễn ra từ 9 giờ đến 11 giờ đêm, năm có tổ chức hát bội, thì lễ túc yết thực hiện vào tối 16. Đến sáng ngày 17 làm lễ tạ thần, sau đó mời các quan khách dự tiệc. Những năm trước đây, lễ vật là một con heo sống, trâu, cau, rượu, hoa, quả, xôi... Con heo sống được tắm rửa sạch sẽ, cúng thần, sau đó mới được đem mổ. Sau khi mổ,

cúng thịt heo sống cùng các lễ vật, các đồ tế lễ đều được chuẩn bị chu đáo, cẩn thận, quá trình tổ chức phải tuân tự.

Khách của buổi lễ Kỳ yên là các vị cao niên, người dân địa phương, khách thập phương, lãnh đạo phường, khu phố, doanh nghiệp trên địa bàn và các hội quý tế của các đình lân cận. Đặc biệt còn có sự tham dự, giao lưu của các đình khác trong khu vực Nam Bộ như Long An, Vũng Tàu, Bình Dương... Ở đình Bình Chánh, ngoài lễ Kỳ yên được cúng vào ngày 15 và ngày 16 tháng 2 âm lịch, thì hàng năm còn có 14 ngày lễ cúng khác như ngày 7 tháng 1 âm lịch cúng hạ nêu; 15 tháng 7 lễ cúng trung ngươn; 16 tháng 8 lễ cúng thần nông đại đế; 15 tháng 10 lễ cúng hạ ngươn; 16 tháng 10 lễ cúng các chiến sĩ vị quốc vong thân; 16 tháng 12 lễ cúng Chạp miếu Quan Công; 30 tháng 12 lễ cúng đón ông vị ngự...

Các hoạt động này của đình được duy trì và diễn ra thường niên. Đây là hoạt động văn hóa dân gian của cộng đồng làng xã có tính tổ chức, ý thức giữ gìn và tiếp nối văn hóa truyền thống có ý nghĩa tốt đẹp của dân tộc. Truyền thống đó liên tục được phát huy, bảo tồn và lưu truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, từ đời này sang đời khác.

Đình ở Thủ Đức hiện nay, là nơi sinh hoạt cộng đồng chung, còn là nơi bày tỏ sự thành kính đối với người có công xây dựng, khai phá vùng đất. Chính vì vậy, đình làng luôn tồn tại trong tâm thức của nhân dân.

4. KẾT LUẬN

Đình làng là thiết chế văn hóa xã hội phong kiến, sắc thần ở đình làng khẳng định việc công nhận chính thức của nhà nước về sự hợp pháp của làng. Với tình hình xã hội ở Nam Bộ giữa thế kỷ XIX, vua Tự Đức đã ban sắc phong cho các đình ở xã Bình Đức, Bình Chánh, Bình Quới Đông thuộc tổng An Thủy, huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa, có ý nghĩa về văn hóa và chính trị. Mặc dù, qua thời gian, vai

trò chức năng của đình có nhiều thay đổi, nhưng đình vẫn luôn tồn tại trong tâm thức của người dân nơi đây. Người dân luôn có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị của đình thông qua việc tổ chức những ngày lễ thờ thần hàng năm. Đình là nơi gắn kết cộng đồng, thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, tương thân, tương ái và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Lời của nhà xuất bản, trong cuốn *Thị trường lúa gạo Nam Kỳ 1860-1945*, của tác giả Nguyễn Phan Quang. Thực ra từ các thế kỷ XVII, XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX nhiều người phương Tây đều có chung nhận xét về một xứ Nam Kỳ giàu tiềm năng nông nghiệp, rất thích hợp cho việc trồng trọt tất cả sản phẩm, xứng đáng là một thuộc địa nhờ đất đai màu mỡ hơn hẳn Philippin, Java, Borneo, cần phải chiếm cho được xứ này càng nhanh chừng nào càng hay chừng ấy (Legrand de la Liarye).

⁽²⁾ Thông tin về Châu Văn Tiếp được ghi chép khá vắn tắt và hầu như ít được ghi chép trong lịch sử và các bộ sử chính thống. https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_V%C4%83n_Ti%E1%BA%BFp, truy cập ngày 21/4/2020.

⁽³⁾ Năm 1784 vua Tiêm La sai tướng là Chắt Si Đa đem thủy quân sang Hà Tiên, tìm Nguyễn Vương để mời sang bàn việc, Nguyễn Ánh cùng Châu Văn Tiếp sang Tiêm La để xin binh lính cứu viện (Trần Trọng Kim, 2012: 392).

⁽⁴⁾ Chữ 年 “niên” được bổ sung thêm, vì trong sắc phong khắc trên đá treo ở cửa đình Bình Quới Đông thiếu chữ “niên” ở dòng niên đại.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_V%C4%83n_Ti%E1%BA%BFp, “Châu Văn Tiếp”, truy cập ngày 21/4/2020.
2. Huỳnh Ngọc Trảng. 1993. *Đình làng Nam Bộ tín ngưỡng và nghi lễ*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
3. Lê Thành Khôi. 2014. *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
4. Nguyễn Phan Quang. 2004. *Thị trường lúa gạo Nam Kỳ 1860-1945*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
5. Trần Trọng Kim. 2012. *Việt Nam sử lược*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
6. Trịnh Hoài Đức. 1998. *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Viện Sử học. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.